

THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN TIỂU HỌC TỈNH BẾN TRE

○ ThS. LÊ VĂN CHÍN*

Bến Tre là một trong 13 tỉnh, thành phố của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Diện tích tự nhiên của tỉnh là 2.356,68km². Toàn tỉnh được chia thành 9 đơn vị hành chính trực thuộc, bao gồm 1 thành phố Bến Tre và 8 huyện. Dân số tỉnh Bến Tre có xu thế giảm, năm 2005 có 1.351.472 người và theo điều tra dân số năm 2009 dân số toàn tỉnh là 1.254.589 người. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, những năm gần đây số học sinh (HS) tiểu học trong tỉnh lại có xu hướng tăng. Năm học 2010-2011, toàn tỉnh có 189 trường tiểu học với 3.459 lớp và 99.538 HS. So với năm học trước, toàn tỉnh tăng 48 lớp và 1.406 HS. Tình hình HS tăng hàng năm và nhu cầu dạy học 2 buổi/ngày đang đặt ra những yêu cầu mới trong việc phát triển đội ngũ giáo viên (GV) tiểu học nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của cấp học.

Về số lượng, theo số liệu năm học 2010-2011, toàn tỉnh có 4.461 GV tiểu học; so với biên chế được giao, tỉnh còn thiếu 160 GV. Tỉ lệ GV trên lớp của cả cấp học đạt 1,28; so với năm học trước giảm 0,2. Tỉ lệ GV/lớp đạt thấp đang là trở ngại cho việc triển khai kế hoạch dạy học 2 buổi/ngày ở cấp tiểu học. Theo thống kê của ngành giáo dục, số HS được học 2 buổi/ngày (10 buổi/tuần) đang có xu hướng giảm theo từng năm học: năm học 2008- 2009: 26.754 HS, chiếm tỉ lệ 28,6%; năm học 2009-2010: 22.729 HS, chiếm tỉ lệ 23,1%; năm học 2010-2011: 20.522 HS, chiếm tỉ lệ 20,6%.

Tỉ lệ GV/lớp có xu hướng giảm và không đồng đều giữa các huyện, thành phố trong tỉnh. Huyện có tỉ lệ GV/lớp cao nhất là Châu Thành đạt 1,55 GV/lớp; huyện có tỉ lệ GV/lớp thấp nhất là Thạnh Phú đạt 1,26 GV/lớp. Tỉnh vẫn còn 4 trường tiểu học thuộc các huyện ven biển có tỉ lệ GV trên lớp dưới 1,2.

Về tuổi đời, theo số liệu thống kê năm 2010, GV tiểu học có tuổi đời dưới 30 chiếm tỉ lệ 5,4%.

GV có tuổi đời từ 30 đến dưới 40 chiếm tỉ lệ 39,9%, GV có tuổi đời trên 40 trở lên chiếm 54,0%, đặc biệt có 28,8% GV có tuổi đời trên 45 tuổi.

Tỉ lệ trên cho thấy GV, tiểu học trong tỉnh có tuổi đời bình quân khá cao và thiếu tính kế thừa. Một số GV có tuổi đời trên 45 tuổi, đây là đối tượng thường gặp khó khăn trong việc học tập để nâng cao trình độ, chậm tiếp cận với phương pháp dạy học mới, nhất là ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

Theo dự báo của ngành giáo dục, đến 2015 toàn tỉnh có 755 GV đến tuổi nghỉ hưu, chia ra từng năm như sau: năm 2010: 81 người; năm 2011: 143 người; năm 2012: 146 người; năm 2013: 123 người; năm 2014: 137 người; năm 2015: 125 người

Tỉ lệ GV trên lớp thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển trường lớp dạy học 2 buổi/ngày, cùng với nhu cầu đào tạo bổ sung GV tiểu học thay thế số GV đến tuổi nghỉ hưu hàng năm đang đặt ra những yêu cầu về phát triển số lượng. Đây là trở ngại lớn cho ngành giáo dục của tỉnh trước yêu cầu phát triển của cấp học. Tỉnh cần có kế hoạch đào tạo để bổ sung thêm GV. Đồng thời có chính sách để thu hút GV nhất là các địa bàn khó khăn, GV tiểu học vừa thiếu lại vừa yếu; nhiều năm không tuyển dụng được GV. Sự bất cập này cần có những giải pháp tích cực hơn và sớm được giải quyết.

Trình độ đào tạo, theo thống kê đầu năm học 2010-2011, số GV có trình độ trên chuẩn chiếm 45,4%, riêng tỉ lệ GV có trình độ đại học đạt 10,3%.

Xuất phát điểm của GV tiểu học trong tỉnh còn khá thấp, một số GV đã đạt trình độ đào tạo chuẩn hoặc trên chuẩn nhưng có trình độ ban

* Sở Giáo dục và Đào tạo Bến Tre

đầu là 9+2, 9+3... kiến thức và kỹ năng còn rất hạn chế, phần nào đã ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục của cấp học.

Theo số liệu thống kê năm 2009 của ngành giáo dục, trong số 4.529 GV tiểu học chỉ có 310 GV được đào tạo hệ cao đẳng chính quy, chiếm tỉ lệ 6,8%, đạt tỉ lệ rất thấp so với 35,1% GV tiểu học có trình độ cao đẳng sư phạm trong toàn tỉnh.

Tỉnh chưa có chính sách khuyến khích, hỗ trợ cho GV đi học để nâng cao trình độ. Điều này đã làm hạn chế tỉ lệ GV đi học, tự bồi dưỡng để nâng trình độ chuẩn trong những năm gần đây, tỉnh chưa có GV tiểu học có trình độ sau đại học.

Theo số liệu thống kê, tỉnh cần phải đẩy mạnh việc đào tạo, bồi dưỡng GV có trình độ trên chuẩn, nhất là đào tạo GV có trình độ đại học, sau đại học để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay. Cũng theo báo cáo thống kê của ngành giáo dục trong năm học 2009-2010, hiệu trưởng các trường tiểu học tiến hành đánh giá 2.215 GV, kết quả xếp loại như sau: loại xuất sắc: 42,8%; loại khá: 35,2%; loại trung bình: 21,9%.

Tuy nhiên, các tiêu chuẩn đánh giá GV theo chuẩn nghề nghiệp GV tiểu học như hiện nay cũng cần được lượng hóa để kết quả đánh giá phản ánh đúng hơn về chất lượng đội ngũ.

Trong những năm đầu của thế kỉ XXI, giáo dục tiểu học của tỉnh Bến Tre đã có bước phát triển đáng kể. Đội ngũ GV tiểu học không ngừng phát triển cả về số lượng và chất lượng, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của cấp học. Tuy nhiên, thực trạng đội ngũ GV tiểu học của tỉnh Bến Tre cũng đang đặt ra những thách thức lớn cho ngành giáo dục của tỉnh trong công tác quản lý đội ngũ. Đó là cần phải có những giải pháp tích cực hơn trong công tác phát triển đội ngũ GV trong giai đoạn 2011-2015. Phát triển đội ngũ GV tiểu học phải đảm bảo đủ về số lượng và đồng bộ về cơ cấu, gắn với yêu cầu dạy học 2 buổi/ngày, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho HS. Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng GV có trình độ trên chuẩn đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Tiến hành đánh giá GV theo chuẩn nghề nghiệp, gắn với công tác tự học, tự bồi dưỡng của GV. Tiếp tục đề xuất những chính sách hợp lý hơn để tạo động lực cho người GV tiểu học không ngừng học tập, sáng tạo và cống hiến.., góp

phần tích cực vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh. □

Tài liệu tham khảo

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng. *Chí thị 40 về xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục*.
2. Ban Chấp hành trung ương Đảng. *Thông báo Kết luận của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết TW2 (khóa VIII), phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2020*. H. 2009
3. Bộ GD-ĐT. *Quyết định số 22/2000/QĐ-BGD-ĐT ngày 11/7/2000 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT về việc ban hành Điều lệ trường tiểu học*, H. 2000.
4. Bộ GD-ĐT. *Đánh giá 5 năm thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học*. 2007
5. Bộ GD-ĐT. *Báo cáo giao ban giáo dục tiểu học năm học 2009-2010*. 2010
6. *Địa chí Bến Tre*. NXB Khoa học xã hội, H. 1991.
7. Sở GD-ĐT Bến Tre. *Báo cáo tổng kết năm học 2008-2009 và năm học 2009-2010*.

Thiết kế bản đồ khái niệm...

(Tiếp theo trang 51)

4) Hiệu đính và hoàn thiện BD. Xem xét lại BD và có thể có những thay đổi cần thiết về cấu trúc và nội dung.

Bài viết chỉ đưa ra quy trình chung nhất về thiết kế BĐKN và minh họa cụ thể trong phần DTH. Để thiết kế được một BĐKN khoa học, yêu cầu giáo viên ngoài nắm chắc kiến thức chuyên môn còn phải có khả năng tổng hợp kiến thức và sắp xếp các KN một cách logic. □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Phúc Chính. "Cơ sở lí thuyết của bản đồ khái niệm". *Tạp chí Giáo dục*. Số 210, 2009.
2. Nguyễn Phúc Chính - Phạm Thị Hồng Tú. "Sử dụng phần mềm CmapTool lập bản đồ khái niệm". *Tạp chí Giáo dục*. Số 218, 7/2009.
3. J. D. Novak - A. j. Canxas. *The theory Underlying Concept Maps and How to Construct Them*. Florida Institute for Human and Machine Cognition. 2008.
4. David L. Darmofal - Diane H. Soderholm - Doris R. Brodeur. *Using concept Maps and Concept questions to enhance conceptual understanding*. Boston, *Education Conference*. 2002.
5. J. D. Novak. *Learning, Creating, and using Knowbge: Concept Maps as kacilitative Tools in Schools an Corporations*. Lawrence Erlbaum Associates, New York. 1998.